

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông **LD**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Thôn TG 2, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: Thôn BN, xã BS, huyện TB, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền về tranh chấp tài sản của ông Lương D có: Anh **Trương Hồng P**, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Lô TM11-10, đường HC, khu đô thị ĐB (Khu K1), phường MB, thành phố PR-TC, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn TG 2, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lương Thị T (Ni)**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã CB, huyện KV, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh **Hồ TL**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà **Lưu Thị Kim L**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Hội P, xã BL, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh **Lương Thanh T**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn TG2, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông **Lương D**, sinh năm: 1964

- Bà **Trần Thị T**, sinh năm: 1968

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Con chung của ông Lương D và bà Trần Thị T là cháu Lương Thanh T, sinh ngày: 08/03/1999 đã thành niên nên ông Lương D và bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Lương D được quyền sử dụng thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5, diện tích: 20.387,9m², địa chỉ thửa đất: Thôn TG2, xã TS, huyện Khánh S, tỉnh Khánh Hòa và thửa đất số 47, tờ bản đồ số 5, diện tích: 1.222,4m², địa chỉ thửa đất: Thôn TG 2, xã TS, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa cùng các tài sản khác gắn liền với hai thửa đất nói trên.

Ông Lương D có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nói trên.

Đối với các thửa đất khác vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của bà Lương Thị T (N), bà Lưu Thị Kim L và anh Hồ Thanh L.

- *Về án phí*: Ông Lương D tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về thuận tình ly hôn là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lương D đã nộp là 15.320.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008187, ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, ông Lương D được nhận lại số tiền chênh lệch là 15.170.000đ.

Hoàn lại cho bà Lương Thị T (N) 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000008, ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS.

Hoàn lại cho bà Lưu Thị Kim L 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000006, ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS.

Hoàn lại cho anh Hồ Thanh L 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008195, ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- Chi cục THA dân sự huyện KS
- UBND xã TS, huyện Khánh S;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thế Vỹ